CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 04 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
ĐẾN Số:
Ngày: 14/4
Chuyển:
Số và ký hiệu:

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - SỞ XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

1. **Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:** Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Nam Lâm Đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800279342 cấp ngày 12/04/2005 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

- Địa chỉ: số 135 Phan Bội Châu, phường 1Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Mã Số thuế: 5800279342
- Tel: 02633711051 – 0913789315

2. **Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng LAS XD 35.001**

- Địa chỉ: số 135 Phan Bội Châu, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Tel: 02633711051 – 0974240241

3. **Danh mục cách chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:**

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Danh mục máy móc, thiết bị
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023	Cân kỹ thuật (0.01g), Bình thủy tinh
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:15; TCVN 9488:12	Cối trộn, sàng, khuôn, thiết bị dằn, máy nén
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:12; TCVN 8876:12; TCVN 10653:15	Cân, ống đong, máy trộn, khuôn, đồng hồ bấm giây, thước
II	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**		
4	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:22	Khuôn đúc mẫu, bể ngâm mẫu
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22	Côn thử độ sụt, phễu, thước lá
6	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:22	Nhớt kế, bàn rung, đồng hồ bấm giây
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:22	Cân kỹ thuật, bàn rung, thước lá, thiết bị đầm
8	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22	Khuôn, bàn rung, cân kỹ thuật, thước lá, sàng, tỷ sấy, khay sắt

9	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:22	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, khay sắt, bay, xẻng
10	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:22	Cân, búa, bình hút ẩm, tủ sấy, búa, cối chày, sàng
11	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22	Cân, thùng ngâm mẫu, tủ sấy
12	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:22	Máy mài, cân kỹ thuật, thước kẹp
13	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:22	Cân kỹ thuật, bếp điện, cân thủy tĩnh, bếp điện, tủ sấy
14	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:22	Máy thử chống thấm, tủ sấy
15	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22	Máy nén, thước kẹp, bộ gá
16	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22	Máy nén, thước kẹp, gối uốn
III	**VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DĂM (SỎI), CẤP PHỐI**		
17	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06	Cân, dụng cụ xúc mẫu
18	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy
19	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh, thùng ngâm mẫu, côn thử độ sụt, phễu, sàng, bình hút ẩm
20	XĐ khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt
21	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06; TCVN 10322:14	Cân kỹ thuật, thùng đong, bộ sàng, tủ sấy, thước lá, thước lá, thanh gỗ
22	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; TCVN 10321:14	Cân kỹ thuật, tủ sấy
23	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa, đồng hồ bấm giây, tấm kính
24	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Cân kỹ thuật, ống dung tích, sàng, thang màu, thuốc thử
25	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; TCVN 10324-14	Máy nén, máy khoan, máy cưa đá, máy mài, thước kẹp, thùng ngâm mẫu
26	XĐ độ nén dập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy nén, xi lanh, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu
27	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06	Máy Los Angeles, bi thép, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy
28	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thước kẹp
29	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, kim sắt, búa con
30	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, kính lúp
31	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, giấy nhám, đĩa thủy tinh
32	PP xác định góc dốc tự	TCVN 8724:12	Thùng, sàng, khay, chày gỗ

	nhiên của cát		
IV	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG**		
33	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12	Cân kỹ thuật, sàng, bình tỷ trọng, cối và chày, bếp cát, phễu, tỷ trọng kế, tủ sấy
34	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, tủ sấy, sàng, hộp đựng mẫu
35	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12	Bộ dụng cụ Casagrande, cân kỹ thuật, tấm kính, hộp đựng mẫu, sàng
36	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14	Bộ sàng, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, nhiệt kế, tủ sấy
37	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95	Máy cắt, dao vòng, dao
38	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12	Máy nén, dao vòng, đồng hồ bấm giây
39	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06	Bộ cối tiêu chuẩn, búa, cân kỹ thuật
40	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12	Cân kỹ thuật, dao vòng, dao
41	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 06	Máy nén, cối, đồng hồ, tủ sấy, bể ngâm, sàng, cân kỹ thuật
42	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01	Máy nén, dao vòng, đồng hồ bấm giây
43	Xác định đặt trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12	Cân kỹ thuật, phao, bình thủy tinh, bình hút ẩm, dao, dao vòng, dụng cụ đầm chặt
44	Xác định đặc trưng trương nở của đất, độ trương nở	TCVN 8719:12	Cân kỹ thuật, sàng, bàn và giá đỡ, dao vòng
45	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12	Cân kỹ thuật, dao vòng
46	Xác đinh đặc trưng nén lún ướt của đất	TCVN 8722:12	Máy nén, dao vòng, cân kỹ thuật, tủ sấy
47	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12	Cân kỹ thuật, dao vòng, tủ sấy, thiết bị thẩm thấu, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, sàng
48	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:12	Vòng chắn, thùng đựng nước, phao, đồng hồ bấm giây
V	**KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỐI HÀN**		
49	Thử kéo	TCVN 197:14	Máy kéo uốn, cân kỹ thuật, thước
50	Thử uốn	TCVN 198:08	Máy kéo uốn, thước
51	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10	Máy kéo uốn, cân kỹ thuật, thước
52	Thử độ dai va đập	TCVN 5402:10;	Búa con lắc

		TCVN 312:07	
53	Thử nghiệm bu-lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89	Máy kéo nén, thước
54	Đo chiều dày kim loại bằng phương pháp siêu âm	ASTM 797:05; JIS Z2355:05	Máy siêu âm
VI	**BÊ TÔNG NHỰA**		
55	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11	Máy Marshall, búa, bệ đầm, khuôn đúc mẫu, tủ sấy, bể mẫu, cân kỹ thuật, nhiệt kế
56	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11	Máy quay ly tâm, tủ sấy, bếp điện, cân, ống đong, bình hút ẩm
57	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng
58	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11	Cân kỹ thuật, bình đựng mẫu, nhiệt kế
59	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bể ngâm mẫu, nhiệt kế
60	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11	Tủ sấy, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, chảo, bay
61	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11	Ống đong, cân kỹ thuật, giá đỡ, tấm kính, khay, dao, phễu
62	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11	Máy Marshall, búa, bệ đầm, khuôn đúc mẫu, tủ sấy, bể mẫu, cân kỹ thuật, nhiệt kế
63	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11	Tính toán
64	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11	Tính toán
65	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Tính toán
66	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Tính toán
67	Cường độ chịu nén của bê tông nhựa	ASTM D4123; AASHTO T167	Máy nén
68	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nuớc, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58:84	Cân kỹ thuật, kính lúp, bộ sàng, bình hút ẩm, hộp nhôm, tủ sấy, nhiệt kế, sàng, dụng cụ vika
VII	**NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHŨ TƯƠNG AXÍT**		
69	Xác định độ kim lún ở 25°C, chỉ số kim lún PI	TCVN 7495:05	Đồng hồ bấm giây, bể mẫu, kim xuyên, cốc đựng mẫu

70	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05	Khuôn, bể, nhiệt kế
71	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:05	Vòng, tấm lót, bi, bình thủy tinh, nhiệt kế, khung treo
72	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN8818-2:11	Cốc hở, nhiệt kế
73	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; 22 TCN 279-01	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân kỹ thuật
74	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05	Cốc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su, tủ sấy
75	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05	Tỷ trọng kế, bể mẫu, nhiệt kế
76	Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:05; TCVN8818-5:11	Nhớt kế, Nhiệt kế, bể, đồng hồ bấm giây
77	Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05	Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, vòng kim loại, ống nghiệm, bình lọc, chai thủy tinh, phễu, cân, bình hút ẩm, kẹp
78	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05	Bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế
79	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11	Nhiệt kế, pipet, đồng hồ bấm giây, phễu lọc, bình thủy tinh, nhớt kế
80	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11	Bình thủy tinh, pipet, cân kỹ thuật, tủ sấy
81	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:11	Sàng, khay, nhiệt kế, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc thủy tinh
82	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-9:11; TCVN 8818-4:11	Sàng, khay kim loại, chảo trộn, ống đong, cân, tủ sấy
83	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-10:11	Thùng ngâm, cân
84	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-11:11; TCVN 8817-12:11	Nồi chưng, ống đong, cân kỹ thuật, sàng
85	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-14:11	Tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, cốc thủy tinh, ống đong
86	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh, phân tách chậm	TCVN 8817-15:11	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cốc, khay, nhiệt kế, ống đong, dao trộn
87	Xác định khối lượng thể tích	TCVN8818-3:11	Bình đong, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật
88	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	22TCN 319:04; 22TCN 279:01	Sàng, ống đong, chảo, cốc
89	Xác định hàm lượng nước		Bình chưng cất, thiết bị gia nhiệt
90	Nhựa đường Polime: Xác định độ kim lún, bắt lửa, tổn thất khi nung, lượng hòa tan của nhựa trong trichloroethylene, khối lượng riêng, độ bám dính với đá, độ đàn hồi, độ ổn định lưu trữ, độ nhớt	TCVN 12791:20; 22 TCN 02-71; TCVN 8729:12	Khuôn, tủ sấy, hộp nhôm, nhớt kế
VIII	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**		
91	Đo dung trọng, độ ẩm của	TCVN 8729:12	Dao vòng, cân, dao gọt, hộp nhôm

	đất bằng PP dao đai		
92	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	TCVN 8866:11	Phễu rót cát, dao vòng, dao gọt, cân, hộp nhôm
93	Xác định modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8864:11	Kích thủy lực, hệ thống chất tải, tấm ép khô, đồng hồ biến dạng
94	Xác định môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11	Cần Benkeman, hệ thống chất tải, đồng hồ đo biến dạng
95	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Cát tiêu chuẩn, ống đong, cân kỹ thuật
96	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước 3m, con nêm, chổi
97	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở đất
98	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:12	Tấm nén, thiết bị chất tải, võng kế
99	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh nhổ dọc trục, đẩy ngang	ASTM D3966	Kích thủy lực
100	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9335:12	Hệ gia tải phản lực, máy toàn đạc quan trắc
101	Thí nghiệm khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9149:12	Máy siêu âm
102	Xác định cường độ của bê tông bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:12	Súng bật nẩy
103	Phương pháp không phá hủy kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12	Súng bật nẩy, máy siêu âm
104	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước trong hố khoan	TCVN 9149:12	Máy bơm, áp kế
105	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12	Bộ khoan khảo sát, Bộ thiết bị đóng SPT
106	Xác định chiều dày lớp bảo vệ, vị trí, đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12	Máy siêu âm
107	Phương pháp thử không phá hủy-Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12	Máy siêu âm
108	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:11	Máy thí nghiệm CBR
109	Lấy mẫu bê tông từ khoan cấu kiện	ASTM C42-1990	Máy khoan mũi kim cương
IX	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**		
110	Xác định kích thước hạt cốt	TCVN 3121-1:22	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy

	liệu lớn nhất		
111	Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn dằn)	TCVN 3121-3:22	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay; chảo trộn, thước kẹp, khâu hình côn
112	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22	Cân kỹ thuật, bình đong
113	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ bấm giây, phễu
114	Xác định khả năng thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:22; TCVN 9028:11	Khâu đựng vữa, kim xuyên, đồng hồ, cân kỹ thuật, vòng đệm
115	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:22	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thước kẹp
116	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:22	Máy nén, thước kẹp
117	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:22	Máy thử cường độ, vòng hình tròn, thùng bảo dưỡng, tấm đầu kéo
118	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu
119	Xác định độ chảy của vữa xi măng	ASTM C939	Sàng, phễu hình nón
120	Xác định độ co ngót, trương nở và tách nước của vữa tươi	ASTM C490	Bộ bàn dằn, thước
121	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài vữa đã đóng rắn	TCVN 9204:12; TCVN 8824:1	Máy trộn, thước kẹp, khuôn, thùng kim loại, cân kỹ thuật, pipet, đồng hồ đo biến dạng
X	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY, ĐÁ XÂY DỰNG**		
122	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09	Thước cặp, thước lá, thước thẳng
123	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09	Máy nén, thước, bay, chảo, máy cưa
124	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09	Máy nén uốn, thước đo, bay, chảo,
125	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng
126	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước đo
127	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật, thùng đựng mẫu
128	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09	Thùng, bể, thước đo
129	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11	Máy nén, thước, bay, chảo, miếng kính
130	Gạch Bê tông : Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16	Máy nén, thước, bay, chảo, miếng kính
131	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch	TCVN 9030:17	Máy nén, thước, bay, chảo, miếng kính,

	bê tông nhẹ: Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô; độ co khô		bình đong, cân kỹ thuật
132	Gạch Terrazzo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:13	Máy nén, thước, bay, chảo, miếng kính, bình đong, cân kỹ thuật

(*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có)

4. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Nam Lâm Đồng xin cam kết cam kết chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐT&XD
NAM LÂM ĐỒNG
Giám đốc

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NAM LÂM ĐỒNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Như Bừng